

TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ KỲ THI CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

NGÀY THI: 25/05/2022

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
1	CNTT1606	Hoàng Thị Vân	Anh	13/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
2	CNTT1607	Triệu Thị Ngọc	Ánh	17/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	5,5	Đạt	
3	CNTT1608	Mã Thị Ngọc	Bích	22/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
4	CNTT1609	Đặng Thị	Biên	18/05/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,0	6,0	Đạt	
5	CNTT1610	Hoàng Văn	Cao	27/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
6	CNTT1611	Nông Hoàng	Chiến	16/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
7	CNTT1612	Hà Văn	Chu	24/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
8	CNTT1613	Đinh Văn	Chung	21/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
9	CNTT1614	Nông Thị	Chuyên	09/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,0	Đạt	
10	CNTT1615	Hứa Việt	Công	29/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	
11	CNTT1616	Đỗ Thùy	Dung	17/12/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	8,0	Đạt	
12	CNTT1617	Nông Văn	Dung	14/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
13	CNTT1618	Triệu Tiến	Dũng	10/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	7,2	5,0	Đạt	
14	CNTT1619	Hoàng Vĩnh	Duy	24/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
15	CNTT1620	Lý Văn	Duy	16/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	
16	CNTT1621	Nông Văn	Dưỡng	17/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt	
17	CNTT1622	Tàng Viết	Đạo	26/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
18	CNTT1623	Bế Văn	Điện	16/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
19	CNTT1624	Hoàng Văn	Định	11/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
20	CNTT1625	Hứa Văn	Đô	07/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
21	CNTT1626	Hoàng Hải	Đôn	26/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
22	CNTT1627	Tô Thị	Đợi	28/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
23	CNTT1628	Đặng Thị	Hà	08/06/2002	Lạng Sơn	Nữ	Dao	7,0	7,0	Đạt	
24	CNTT1629	Dương Thị	Hà	30/08/2000	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,5	Đạt	
25	CNTT1630	Hoàng Văn	Hanh	06/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
26	CNTT1631	Tô Văn	Hậu	17/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
27	CNTT1632	Triệu Văn	Hiển	02/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,0	5,5	Đạt	
28	CNTT1633	Dương Thị	Hòa	22/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,2	6,0	Đạt	
29	CNTT1634	Triệu Văn	Hoàn	19/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	6,5	Đạt	
30	CNTT1635	Hà Minh	Hoàng	01/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
31	CNTT1636	Lý Đức	Hoàng	13/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
32	CNTT1637	Nông Văn	Hoàng	01/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,0	Đạt	
33	CNTT1638	Lưu Bích	Hợi	10/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt	
34	CNTT1639	Nông Thị	Huệ	17/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
35	CNTT1640	Lý Mạnh	Hùng	12/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,0	Đạt	
36	CNTT1641	Nguyễn Hữu	Huỳnh	25/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt	
37	CNTT1642	Triệu Văn	Hương	03/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
38	CNTT1643	Nguyễn Thị	Hương	17/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt	
39	CNTT1644	Nông Thị Thu	Hường	30/06/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
40	CNTT1645	Chu Thị	Kiểm	07/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,5	Đạt	
41	CNTT1646	Trần Thị Ngọc	Lan	02/12/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,5	Đạt	
42	CNTT1647	Lộc Văn	Lập	27/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt	
43	CNTT1648	Hoàng Văn	Lên	22/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	5,5	Đạt	
44	CNTT1649	Lăng Văn	Liệu	23/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,0	Đạt	
45	CNTT1650	Hoàng Thị	Loan	05/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
46	CNTT1651	Nguyễn Thị Bích	Loan	16/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,5	Đạt	
47	CNTT1652	Trần Thế	Lợi	29/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
48	CNTT1653	Liều Thị Khánh	Ly	06/09/2004	Lạng Sơn	nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
49	CNTT1654	Lộc Xuân	Mai	11/11/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,0	Đạt	
50	CNTT1655	Nông Văn	Mạnh	04/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
51	CNTT1656	Nông Văn	Mạnh	05/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
52	CNTT1657	Hoàng Công	Minh	10/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,0	Đạt	
53	CNTT1658	Lâm Thị	Mơ	20/01/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,0	Đạt	
54	CNTT1659	Lý Thị	Mùi	18/09/2003	Nam Định	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
55	CNTT1660	Trần Văn	Nam	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt	
56	CNTT1661	Lô Thị Kim	Ngân	27/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
57	CNTT1662	Vi Tuyết	Ngân	25/02/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	5,0	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
58	CNTT1663	Triệu Văn	Nghiệp	21/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
59	CNTT1664	Bế Văn	Ngọc	19/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,5	Đạt	
60	CNTT1665	Nông Sinh	Nhục	11/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
61	CNTT1666	Lương Hồng	Niệm	07/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
62	CNTT1667	Lô Văn	Oanh	17/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
63	CNTT1668	Hoàng Văn	Phúc	09/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
64	CNTT1669	Lộc Viết	Phúc	09/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	Đạt	
65	CNTT1670	Nông Văn	Phước	07/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt	
66	CNTT1671	Nguyễn Quốc	Phương	23/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,0	Đạt	
67	CNTT1672	Nguyễn Thị Hoài	Phương	11/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt	
68	CNTT1673	Tô Thị Kim	Phương	23/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,0	Đạt	
69	CNTT1674	Lý Thị	Quan	06/08/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	6,5	Đạt	
70	CNTT1675	Hoàng Mạnh	Quang	08/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt	
71	CNTT1676	Vi Văn	Quang	13/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
72	CNTT1677	Loan Thị	Quý	18/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,0	Đạt	
73	CNTT1678	Nông Mạnh	Quỳnh	01/05/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,0	Đạt	
74	CNTT1679	Đặng Hiếu	Sinh	14/03/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	6,0	Đạt	
75	CNTT1680	Chu Văn	Thành	13/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	5,5	Đạt	
76	CNTT1681	Hà Văn	Thành	15/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt	
77	CNTT1682	Vi Minh	Thao	16/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	6,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
78	CNTT1683	Bùi Thị	Thảo	22/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	5,5	Đạt	
79	CNTT1684	Hoàng Thị	Thảo	12/03/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
80	CNTT1685	Triệu Thị	Thắm	07/07/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt	
81	CNTT1686	Toàn Văn	Thăng	25/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,5	Đạt	
82	CNTT1687	Hà Minh	Thắng	16/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,5	Đạt	
83	CNTT1688	Lưu Văn	Thân	12/07/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
84	CNTT1689	Trương Quang	Thiện	01/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	6,5	Đạt	
85	CNTT1690	Vy Đức	Thịnh	23/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,5	Đạt	
86	CNTT1691	Hoàng Thị	Thoa	14/09/2004	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
87	CNTT1692	Hoàng Thị	Thời	13/12/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	Đạt	
88	CNTT1693	Nông Đức	Thuần	07/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	5,5	Đạt	
89	CNTT1694	Dương Kim	Thuận	02/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Dao	6,2	5,5	Đạt	
90	CNTT1695	Triệu Thị	Thúy	16/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
91	CNTT1696	Bùi Văn	Tiến	25/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt	
92	CNTT1697	Nông Văn	Tiến	20/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt	
93	CNTT1698	Nông Minh	Tiếp	16/01/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,0	Đạt	
94	CNTT1699	Vi Xuân	Tình	04/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,0	Đạt	
95	CNTT1700	Trương Thúy	Trà	12/04/2004	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,5	Đạt	
96	CNTT1701	Đinh Đức	Trung	12/11/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt	
97	CNTT1702	Triệu Đồng	Tú	08/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành		
98	CNTT1703	Trình A	Tú	31/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt	
99	CNTT1704	Nguyễn Minh	Tuấn	01/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt	
100	CNTT1705	Công Văn	Tuyền	03/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt	
101	CNTT1706	Hoàng Đức	Tường	21/04/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,7	7,5	Đạt	
102	CNTT1707	Mã Long	Vũ	27/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	8,0	Đạt	
103	CNTT1708	Đàm Minh	Vượng	16/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,2	6,5	Đạt	

Số thí sinh theo danh sách: **103**

Số thí sinh vắng thi: **0**

Số thí sinh dự thi: **103**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **103**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **0**

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 27 tháng 5 năm 2022

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Nguyễn Công Thành